

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/6/2022

Về tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Chiêu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Sơn Hóa

2. Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 594/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về "*tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXX - ST ngày 07 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 và, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị N.T.B.N, sinh năm 1979

Hộ khẩu thường trú: P204, nhà PT4, Bắc Linh Đàm , phường Đ.K, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: P1413, T01, C37 – B.H, phường T.V, quận N.T.L, thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

2. Bị đơn: anh L.H.H, sinh năm 1975;

Hộ khẩu thường trú: P204, nhà PT4, Bắc Linh Đàm , phường Đ.K, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: P1413, T01, C37 – B.H, phường T.V, quận N.T.L, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị N.T.B.N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L.H.H kết hôn ngày 01/12/2004, đăng ký tại UBND xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội. Việc kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 12 năm 2018 thì vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự đồng thuận, không có niềm tin; thiếu sự tôn trọng với nhau. Đặc biệt từ tháng 01 năm 2018, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn, nên chính thức sống ly thân.

Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng với anh Hoàng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Hoàng.

- Về con chung: Chị và anh Hoàng có 02 con chung, tên là L.D, sinh ngày 07/10/2005 và L.K.N, sinh ngày 01/8/2012. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung; việc cấp dưỡng, chị yêu cầu ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị theo “*bản thỏa thuận lập ngày 31/12/2021*”, là: mỗi tháng anh Hoàng cấp dưỡng 3.000.000đ cho cháu Duy và 4.000.000đ cho cháu Nhi.

- Về tài sản chung, nhà đất ở chung: Chị tự thỏa thuận với anh Hoàng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ chung: Chị khẳng định chị và anh Hoàng không có, chị không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn anh L.H.H: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, nhiều văn bản tố tụng nhưng anh Hoàng chưa thực hiện đầy đủ. Anh Hoàng có nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử; có Đơn xin hoãn phiên tòa và thể hiện quan điểm không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Chị N tiếp tục khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, chị sống với anh Hoàng không có hạnh phúc. Đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm. Chị vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Hoàng; yêu cầu về nuôi con chung và cấp dưỡng chị không thay đổi; về tài sản chung, nhà đất ở chung: chị và anh Hoàng đã tự thỏa thuận theo Vi bằng đã lập nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về khoản nợ chung: chị và anh Hoàng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội thụ lý Đơn ly hôn của chị N.T.B.N đối với anh L.H.H là đúng thẩm quyền, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự tố tụng quy định tại các Điều 195, 196 và 197 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quy định

của pháp luật. Cụ thể, đã vắng mặt tại Tòa án... dẫn đến Tòa án phải tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng. Đó là sự khó khăn của Tòa án, dẫn đến thời hạn giải quyết vụ án bị kéo dài. Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa nhiều lần. Phiên tòa ngày hôm nay (14/6/2022) bị đơn tiếp tục vắng mặt, nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiếp tục xét xử là đúng quy định.

Kiểm sát viên đề nghị về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, yêu cầu của đương sự, phân tích căn cứ pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh Hoàng; giao 02 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, mỗi tháng anh Hoàng cấp dưỡng 3.000.000đ cho con chung L.D và 4.000.000đ cho con chung L.K.N, như anh chị đã thỏa thuận; về chia tài sản chung: anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị N.T.B.N có Đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh L.H.H có hộ khẩu thường trú tại P204, nhà PT4 Bắc Linh Đàm, phường Đ.K, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn anh Hoàng đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng không đồng ý ly hôn; anh Hoàng không đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định. Để đảm bảo thời hạn xét xử và quyền lợi chính đáng của đương sự, Tòa án cần mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Hoàng kết hôn tự nguyện. Ngày 25/11/2010, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 12 năm 2012, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống, niềm tin và tôn trọng nhau không có. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đến tháng 01 năm 2018 thì anh chị chính thức sống ly thân.

Anh Hoàng đã nhiều lần được Tòa án gửi giấy báo đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt. Thời gian giải quyết vụ án, anh Hoàng chỉ nhận một vài văn bản tố tụng; có đơn xin hoãn phiên tòa thể hiện quan điểm là không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án chị N đã cung cấp cho Tòa án nhưng tài liệu như: Biên bản thỏa thuận ngày 31/12/2021 với nội dung về nuôi con chung, cấp dưỡng; chia tài sản chung...; Vi bằng số 1484.2022/VB-TPLHN ngày 02/4/2022 xác nhận “Văn bản thỏa thuận ngày 02/4/2022, về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng”.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N yêu cầu được ly hôn đối với anh L.H.H, cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cần chấp nhận cho chị N được ly hôn anh Hoàng.

Về con chung: Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định chị N và anh Hoàng 02 con chung, là L.D, sinh ngày 07/10/2005 và L.K.N, sinh ngày 01/8/2012. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung; việc cấp dưỡng, chị N yêu cầu nghi nhận sự thỏa thuận là mỗi tháng anh Hoàng cấp dưỡng 3.000.000đ cho cháu L.D và 4.000.000đ cho cháu L.K.N để cùng chị N nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Xét, chị N là giảng viên của Học viện An ninh nhân dân, cấp bậc Thượng tá với thu nhập gần 20.000.000đ/tháng và có chỗ ở ổn định; từ khi anh chị sống ly thân, 02 con chung thường xuyên ở với chị N, được chị chăm sóc, giáo dục. Mặt khác, 02 con chung đều thể hiện ý chí bằng văn bản là muốn được “ở với mẹ”. Vì vậy, khi anh chị ly hôn cần giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật, đảm bảo điều kiện tốt nhất để các cháu phát triển cả về thể chất cũng như tinh thần. Về cấp dưỡng nuôi con chung; chia tài sản chung, anh chị đã thỏa thuận tại “Bản thỏa thuận ngày 31/12/2021 và Vi bằng số 1484.2022/VB-TPLHN ngày 02/4/2022. Sự thỏa thuận này của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần nghị nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Hoàng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.T.B.N. Chị N.T.B.N được ly hôn anh L.H.H.

2. Về con chung: Xác nhận chị N.T.B.N và anh L.H.H có 02 con chung là L.D, sinh ngày 07/10/2005 và L.K.N, sinh ngày 01/08/2012. Giao 02 con chung L.D và L.K.N cho chị N.T.B.N trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự thỏa thuận mỗi tháng anh L.H.H cấp dưỡng 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) cho cháu L.D và 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*) cho cháu L.K.N để cùng chị N.T.B.N nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác.

Anh L.H.H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu. Tòa không xét.

4. Về án phí:

4.1. Chị N.T.B.N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2020/0049411 ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Chị N.T.B.N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4.2. Anh L.H.H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng.

5. Về thi hành án: Trường hợp Bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự” (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6. Về quyền kháng cáo: Chị N.T.B.N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh L.H.H được quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hoàng Mai;
- Chi cục THA dân sự quận Hoàng Mai;
- UBND xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội (để ghi vào sổ hộ tịch: GCNKH số 57, quyển 01 ngày 01/12/2004);
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Chiều